

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ SƠN LONG**

Số: 249/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Sơn Long, ngày 05 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu thu, chi ngân sách quý III năm 2021**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN LONG**

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

- Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

- Căn cứ Công văn số 1931/STC-NS ngày 24/5/2018 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về công khai ngân sách Nhà nước;

- Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2020 của HĐND xã Sơn Long về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2021;

Xét đề nghị của ban tài chính ngân sách xã,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thu, chi ngân sách quý III năm 2021

A. Tổng Thu ngân sách Nhà nước: 933.770.790 đồng

Thu ngân sách xã: 933.488.790 đồng

Trong đó: Các khoản thu ngân sách xã hưởng: 38.877.790 đồng

Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 894.611.000 đồng

B. Tổng chi ngân sách xã: 994.647.500 đồng

Trong đó: Chi đầu tư phát triển: 0 đồng

Chi thường xuyên: 994.647.500 đồng

(Có các biểu kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng UBND xã, bộ phận Tài chính – Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này *lha*

**Nơi nhận:**

- UBND huyện;
- Phòng TC huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Các đoàn thể xã;
- Thôn trưởng 4 thôn;
- Lưu VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Phạm Bình Luận**



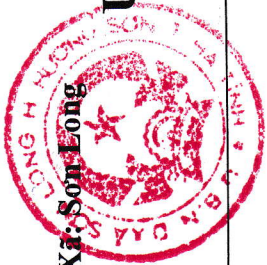
## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2021

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>5.278.023.200</b>	<b>933.488.790</b>	<b>17,69</b>
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	65.000.000	36.600.000	56,31
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	600.300.000	2.277.790	0,38
3	Thu bổ sung	4.612.723.200	894.611.000	19,39
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.612.723.200	854.611.000	18,53
	- Bổ sung có mục tiêu		40.000.000	
4	Thu chuyên nguồn			
<b>II</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>5.278.023.200</b>	<b>994.647.500</b>	<b>18,85</b>
1	Chi đầu tư phát triển	503.300.000		
2	Chi thường xuyên	4.665.960.000	994.647.500	21,32
3	Dự phòng	108.763.200		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.





# ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2021

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)				SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2		
	<b>Tổng số thu</b>	5.836.723.200	5.278.023.200	933.770.790	933.488.790	16,00	17,69		
I	<b>Các khoản thu 100%</b>	65.000.000	65.000.000	36.600.000	36.600.000	56,31	56,31		
1	Phí, lệ phí	15.000.000	15.000.000	6.450.000	6.450.000	43,00	43,00		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	20.000.000	20.000.000	21.000.000	21.000.000	105,00	105,00		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp								
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			9.150.000	9.150.000				
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định								
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định								
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân								
8	Thu khác	30.000.000	30.000.000						
II	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	1.159.000.000	600.300.000	2.559.790	2.277.790	0,22	0,38		
1	Các khoản thu phân chia	73.000.000	73.000.000	1.619.790	1.619.790	2,22	2,22		
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp								
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình								
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	3.000.000	3.000.000						
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	70.000.000	70.000.000	1.619.790	1.619.790	2,31	2,31		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định	1.086.000.000	527.300.000	940.000	658.000	0,09	0,12		
2.1	Thu tiền sử dụng đất	1.000.000.000	503.300.000						
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước	11.000.000	3.000.000						
2.3	Thuế tài nguyên								
2.4	Thuế giá trị gia tăng	48.000.000	12.000.000	940.000	658.000	1,96	5,48		
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp								
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	27.000.000	9.000.000						
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt								
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)								
IV	Thu chuyển nguồn								
V	Thu kết dư ngân sách năm trước								





STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
		1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
A	B						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.612.723.200	4.612.723.200	894.611.000	894.611.000	19,39	19,39
1	Thu bổ sung cân đối	4.612.723.200	4.612.723.200	854.611.000	854.611.000	18,53	18,53
2	Thu bổ sung có mục tiêu			40.000.000	40.000.000		



